

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ: THỂ GIỚI ĐỘNG VẬT
Thực hiện: 4 tuần: Từ ngày 29/12/2025 đến ngày 23/1/2026

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Hoạt động giáo dục	Điều chỉnh bổ sung
STT	Mục tiêu			
I. Lĩnh vực phát triển thể chất.				
1.1. Phát triển vận động				
1	- Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra - Tay: Giơ ra phía trước hạ xuống. - Lưng, bụng, lườn: Nghiêng người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống đứng lên.	* Chơi - tập có chủ định. - Các bài thể dục sáng: Hô hấp: Tập hít vào thở ra - Các bài tập phát triển chung - Tay: Giơ cao hạ xuống. - Lưng, bụng, lườn: Vận người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống đứng lên.	
2	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động: - Bật vào các vòng	- Bật vào các vòng	* Hoạt động: Chơi-tập có chủ định: - Bật vào các vòng * Hoạt động chơi - Trò chơi: Lăn bóng	
3	- Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Tung bóng qua dây.	- Tung bóng qua dây	* Hoạt động: Chơi-tập có chủ định: - Tung bóng qua dây * Hoạt động chơi - Trò chơi: Bóng tròn to	
4	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi – Trườn chui qua cổng.	- Trườn chui qua cổng	* Hoạt động: Chơi-tập có chủ định: - Trườn chui qua cổng * Hoạt động chơi - TC: Ai nhanh nhất.	
5	- Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động: Đá bóng.	- Đá bóng	* Hoạt động: Chơi-tập có chủ định: - Đá bóng * Hoạt động chơi - Trò chơi: Dung dăng dung dẻ.	

6	- Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay – thực hiện “múa khéo”.	- Đóng cọc bàn gỗ. - Chồng, xếp 6-8 khối.	* HĐVĐV - Xếp ao cá; Tô màu con chim bồ câu; Tô màu con bướm, nặn quả trứng.
7	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay – mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ, tô màu hình ảnh những con vật gần gũi...	+ Hai tay làm động tác rót, khuấy, đảo... + Hai tay nhào, bóp đất nặn 1 số con vật gần gũi - Tập cầm bút tô, vẽ 1 số con vật gần gũi.	* Hoạt động chơi - Chơi ngoài trời. + Nhóm chơi tự do: Cho trẻ vẽ theo theo ý thích 1 số con vật gần gũi trên sân trường... - Chơi ở các khu vực chơi.
8	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay – mắt trong các hoạt động: Xếp ao cá, xâu vòng con vật...	- Tập xâu, luồn dây con vật.	+ Chơi góc: Góc nghệ thuật: trẻ chơi với đất nặn; tập tô, vẽ ngược ngoạc theo ý thích...Chơi với đồ chơi âm nhạc. + Góc thao tác vai: Cho trẻ tập rót nước, khuấy, đảo thức ăn, bán hàng... + Góc hoạt động với đồ vật: xếp khối gỗ, đóng cọc búa ba bi 2 tầng, xâu vòng con vật...

1.2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

a Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt

11	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	* Hoạt động vệ sinh - Trẻ biết nói với người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh. + Cho trẻ đi vệ sinh, ngồi bô, có nề nếp thói quen vệ sinh theo giờ giấc...
----	--	--------------------------------------	---

b Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe

12	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Chuẩn bị chỗ ngủ: - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh. - Giờ ăn: + Trước và sau khi ăn cô trẻ cách rửa tay, lau tay, lau mặt.
----	---	---	--

		- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.	+ Trong giờ ăn cô rèn trẻ tự xúc cơm ăn. + Khi khát nước dạy trẻ tự lấy cốc bằng cách xem đúng ký hiệu... - Giờ ngủ: + Cô cho trẻ chuẩn bị chiếu, chăn, gối cùng cô... - Vệ sinh: + Rèn trẻ nói với người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh và biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	
--	--	-------------------------------------	--	--

c Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn

14	- Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (xô nước, téc nước... những nơi có nguồn lửa có thể xảy ra hỏa hoạn, cháy nổ...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm (kéo, vật sắc nhọn, ...), những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. (xô nước, téc nước... những nơi có nguồn lửa có thể xảy ra hỏa hoạn, cháy nổ...) khi được nhắc nhở.	* Hoạt động chơi - Chơi ở các khu vực chơi: Nhắc trẻ không được chơi, nghịch những vật sắc nhọn như: kéo, dao và sờ vào những vật dụng nguy hiểm như: ổ điện có thể xảy ra giật điện, cháy nổ... - Dạo chơi ngoài trời: Không cho trẻ đến những nơi nguy hiểm như: téc nước, xô nước... hoặc leo trèo lan can, khu vực cao... không nhét hạt vào mồm, mũi, tai... - Trong giờ đón, trả trẻ: Trao đổi với phụ huynh không cho con đến gần và chơi những đồ dùng nguy hiểm: Dao, kéo, phích nước..., những nơi nguy hiểm như: ổ điện, xô nước, téc nước...	
----	---	--	---	--

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

2.1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan

16	Trẻ biết sờ, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của con vật gần gũi.	- Sờ, nhìn... để nhận biết đặc điểm nổi bật của 1 số con vật gần gũi. - Nghe và nhận biết âm thanh, tiếng kêu của một	* Hoạt động chơi-tập có chủ định. - NB: Con gà, con vịt, Con cá, một số con côn trùng.	
----	---	--	---	--

		số con vật quen thuộc.	* Hoạt động chơi - TCM: Con gì? Kêu như thế nào?	
2.2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi				
21	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc.	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc.	* Hoạt động chơi – tập có chủ định. - NB: Con gà, con vịt, Con cá, một số con côn trùng. * Hoạt động chơi - Chơi chiều: Cho trẻ nhận biết 1 số con vật quen thuộc gần gũi qua tranh ảnh, vi deo...	
22	- Trẻ biết chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có số lượng Một và nhiều theo yêu cầu.	- Số lượng (Một và nhiều)	* Hoạt động chơi – tập có chủ định. - NB: Số lượng (Một và nhiều)	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
3.1. Nghe				
24	- Trẻ biết thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: “Cháu cất rô bút vào giá góc rồi bê ghế về chỗ ngồi!”. Con hãy lấy con vật sống trong gia đình cất vào rô màu đỏ, con vật sống dưới nước cất vào rô màu xanh, “Cháu thả cá vào ao sau đó thả con gà vào chuồng gà”...	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	* Hoạt động với đồ vật. - Giở xâu vòng, trẻ biết lấy và cất dọn rô bút vào khu vực giá góc hoạt động với đồ vật... * Hoạt động chơi - Chơi chiều + Trò chơi Chọn con vật (lô tô) theo yêu cầu. * Hoạt động ăn, ngủ... - Hoạt động ăn: Cô cho trẻ đi rửa tay sau đó bê ghế ra ngoài bàn ăn cơm... - Hoạt động ngủ: Cô cho trẻ lấy chiếu, gối rồi xếp vào chỗ ngủ...	
25	- Trẻ trả lời 1 số câu hỏi đơn giản: “Cái gì đây?”; “...màu gì?”; “...Đề làm gì?” (Ví dụ: “Quả trứng để làm gì?”).	- Nghe các câu hỏi: Cái gì đây? để làm gì? Màu gì? như thế nào? - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì?; Để làm gì?; Như thế nào?...	* Hoạt động chơi – tập có chủ định. - Cô đặt câu hỏi mở để kích thích sự tò mò cho trẻ trả lời. “Đây cái gì?, quả trứng để làm gì”...? * Hoạt động chơi - Chơi ở các khu vực	

			chơi: Đặt câu hỏi về các con vật và cho trẻ trả lời. Đây là cái gì? Sống ở đâu? Kêu như thế nào...?	
26	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được 1 số câu hỏi đơn giản về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật trong chủ đề Thế giới động vật.	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn về chủ đề Thế giới động vật. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách.	* Hoạt động: Chơi-tập có chủ định - Văn học: Truyện “Sinh nhật của thỏ con”. + TCTV: Nghe hiểu và nhắc lại từ “Sinh nhật của thỏ con”. * Hoạt động chiều. - Cô kể 1 số câu truyện về chủ đề Thế giới động vật. cho trẻ nghe và kết hợp cho trẻ xem video, hình ảnh... - Đồng dao: Con gà cục tác lá chanh, Cái bóng là cái bóng bang, Con cua, Con sên...	

3.2. Nói

27	- Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ. ngắn có câu 3-4 tiếng. - Phát âm các âm khác nhau.	* Hoạt động: Chơi-tập có chủ định - Văn học + Thơ: Gà gáy, Rong và cá, Ong và bướm. + TCTV: Nghe hiểu và nhắc lại từ “Tơ lụa”; “Đi chơi rong”. * Hoạt động chơi - Chơi chiều: Cô kể cho trẻ nghe 1 số bài thơ về Chủ đề Thế giới động vật và cho trẻ tập đọc thơ theo cô. Đọc cho trẻ nghe các bài ca dao, đồng dao trong chủ đề...	
28	- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.			
29	- Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động,	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, đặc điểm, quen thuộc trong giao tiếp về những con vật gần gũi.	* Hoạt động chơi: - Chơi ở các khu vực chơi: + Khu vực hoạt động	

	đặc điểm quen thuộc về 1 số con vật gần gũi.		với đồ vật: Trẻ nhận biết và nói được tên những con vật các khu vực chơi như: Con gà, con chó... + Khu vực Thao tác vai: Hành động quen thuộc như: nấu ăn bế em, cho em ăn... - Chơi trong giờ đón, trả trẻ: Cho trẻ xem tranh ảnh về 1 số con vật gần gũi...	
30	- Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Đây là con gì?”; “Như thế nào?”... + Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng được 1 số từ ngữ và câu bằng tiếng Việt, tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp hằng ngày.	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản + Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng được 1 số từ ngữ và câu bằng tiếng Việt, tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp hằng ngày.	* HĐ vệ sinh: - Trẻ biết nói với cô khi muốn đi vệ sinh. * HĐ chơi: - Trong giờ đón, trả trẻ: Trẻ biết chào cô, chào bố mẹ. + TCTV: Trẻ nói được câu “Con chào cô giáo; con chào mẹ...” * Hoạt động ăn. - Trẻ nói được câu “Con xin cô bát cơm; con cô uống nước... Trẻ chưa hiểu, chưa nói được tiếng việt thì cô kết hợp dùng tiếng mẹ đẻ để giao tiếp với trẻ...	
31	- Trẻ biết nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.		
4 . Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ				
4.1. Phát triển tình cảm				
34	- Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh. Nói được 1 số từ bằng tiếng dân tộc của trẻ.	* Hoạt động học - Hoạt động nhận biết: Trẻ mạnh dạn, thích giao tiếp, trả lời các câu hỏi của cô về các con vật gần gũi... * Hoạt động chơi - Chơi ở các khu vực chơi: Trẻ biết trao đổi, giao tiếp với nhau khi	

			chơi, chơi đoàn kết không tranh giành đồ chơi của nhau... * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh. - Trẻ biết thể hiện những điều mình thích hoặc không thích bằng lời nói (con thích ăn trứng, ăn thịt hoặc con không thích ăn cá, ăn tôm...) * Hoạt động giao lưu cảm xúc - Trẻ thích nói chuyện, giao lưu cảm xúc với bạn, với cô giáo và các bạn trong lớp.	
37	- Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: Bắt chước tiếng kêu của các con vật.	- Quan tâm đến các vật nuôi.	* Hoạt động chơi - Dạo chơi ngoài trời: Quan sát một số con vật gần gũi, giáo dục trẻ biết cho con vật ăn uống... - TCM: Bắt chước vận động của các con vật: Con gì? Kêu như thế nào?	
4.2. Phát triển kỹ năng xã hội				
38	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ” chơi cạnh bạn, không cầu bạn.	* Các hoạt động trong ngày - Trong giờ đón, trả trẻ + Dạy trẻ biết tạm biệt, cảm ơn, dạ, vâng ạ... - Hoạt động học; hoạt động chơi; ăn, ngủ, vệ sinh... + Giờ ăn khi hết bát cơm trẻ biết xin cô...	
39	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (Trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	- Tập thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (Trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	* Hoạt động chơi: Chơi ở các khu vực chơi. - Góc thao tác vai: Trẻ chơi bế em, khuấy bột, rót nước, tắm cho em... - Góc vận động: Trẻ	

	<i>thoại...).</i>	<i>- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.</i>	biết thể hiện đúng vai làm người kéo xe chở đồ, cầu thủ ném bóng... * Hoạt động giao lưu cảm xúc.
40	<i>- Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.</i>	<i>- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.</i>	- Trẻ chơi đoàn kết, không tranh giành đồ chơi với bạn, không cào cấu bạn khi chơi...
41	<i>- Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn.</i>	<i>- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.</i>	* Hoạt động chơi. - Chơi ở các khu vực chơi. + Sau khi chơi xong trẻ biết cất dọn đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định * Hoạt động vệ sinh - Cô cho trẻ xếp hàng chờ đến lượt để rửa tay, đi vệ sinh - rèn trẻ tính kiên nhẫn, biết chờ đến lượt...

4.3. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ

42	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc trong chủ đề Thế giới động vật.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	* Hoạt động: Chơi- tập có chủ định: - Âm nhạc: + Nghe hát bài: Gà trống mèo con và cún con;Ếch ộp; Con chuồn chuồn. + Hát: Vì sao chim hay hót. + Vận động theo nhạc: Con gà trống; Chú voi con ở bản đôn. + TCÂN: Ai nhanh nhất.
43	- Trẻ thích tô màu, vẽ, xé, xếp hình, xem tranh (Cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc)...	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình.	* Hoạt động: Chơi- tập có chủ định: - HĐVĐV: Xếp áo cá; Tô màu con chim bồ câu; Tô màu con bướm. * Hoạt động chơi - Chơi ở các khu vực chơi. + Góc nghệ thuật: Tập di màu, tô màu những

			con vật gần gũi... + Góc thao tác vai: xếp đường đi, xếp chồng các khối gỗ... - Chơi ngoài trời: + Nhóm chơi tự do: Cho trẻ vẽ tự do trên sân; chơi xé lá làm con vật...	
--	--	--	---	--

Ngày 22 tháng 12 năm 2025

TỔ PHÓ

GIÁO VIÊN

Tòng Thị Hương

Hoàng Thị Dung